

BIÊN BẢN NIÊM YẾT

Về việc công khai các khoản thu năm học 2025-2026

Hôm nay, hồi 17h30 phút giờ ngày 19 tháng 9 năm 2025. Tại văn phòng Trường MN Tân Lập Thành, Ban giám hiệu trường MN Tân Lập Thành và Ban Đại diện cha mẹ học sinh tổ chức họp thống nhất để niêm yết các khoản thu năm học 2025-2026.

Thành phần lập biên bản:

- | | |
|----------------------------|--------------------------------|
| 1- Đ/c: Nguyễn Hoàng Quyên | - Hiệu trưởng |
| 2- Đ/c Phạm Thị Nhội | - Hiệu phó |
| 3- Đ/c: Dương Thị Thanh | - Tổ trưởng tổ chuyên môn |
| 4- Đ/c: Nguyễn Thị Thái | - Kế toán |
| 5- Đ/c: Trần Thị Thu Thảo | - Thủ quỹ - Thư ký |
| 6- Đ/c: Vũ Thị Hạ | - Trưởng ban đại diện CMHS |
| 7- Đ/c: Đoàn Thị Hương | - Phó trưởng ban đại diện CMHS |
| 8- Đ/c: Lê Thị Ngọc Hân | - Giáo viên - Bí thư chi đoàn |

Nội dung:

Trường MN Tân Lập Thành đã tiến hành niêm yết công khai các khoản thu năm học 2024-2026 như sau:

TT	Các khoản thu	Số tiền/ 1 HS	Ghi chú
I	Khoản thu dịch vụ theo nghị quyết 385/2024/NQ-HĐND		
1	Dịch vụ vệ sinh sân trường và khu vực nhà vệ sinh của học sinh	40.000đ/HS/tháng x 9 tháng = 360.000đồng	
2	Dịch vụ chăm sóc bán trú	265.000đ/HS/tháng x 9 tháng = 2.385.000đồng	
3	Dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú	50.000đ/HS/1tháng x 9 tháng = 450.000đồng	
4	Dịch vụ ăn bán trú	25.000đ/HS/ngày	
II	Kinh phí ban đại diện CMHS		Nhà trường không tổ chức thu

Các khoản thu và kế hoạch dự toán thu – chi đã được Ban giám hiệu thông qua tới 100% cán bộ, giáo viên trong Hội đồng nhà trường. Ban Đại diện cha mẹ học sinh và thông qua cuộc họp phụ huynh toàn trường và Ban đại diện phụ huynh học sinh các lớp có trách nhiệm thông báo tới toàn thể phụ huynh học sinh trong trường.

Thực hiện niêm yết công khai các khoản thu chi đầu năm học 2025-2026 của trường MN Tân Lập Thành. Niêm yết trên bảng công khai (Nơi thuận tiện cho

Biên bản lập xong hồi 17h40 cùng ngày, những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

Thư ký

4. HỘI TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Quyên

DỰ TOÁN THU - CHI CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ THEO NQ 385

I. PHẦN THU

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản thu	Đồng/học sinh/tháng		Số học sinh	Số tháng	Số ngày	Thành tiền
		Tháng	Ngày				
1	Vệ sinh sân trường và khu vực vệ sinh của học sinh.	40.000		100	9		36.000.000
2	Dịch vụ ăn bán trú của học sinh		25.000	100	9.0	22	495.000.000
3	Dịch vụ chăm sóc bán trú: Thuê người nấu ăn, chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa	265.000		100	9.0		238.500.000
4	Dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú	50.000		100	9.0		45.000.000
Tổng cộng							814.500.000

II PHẦN CHI

1. Vệ sinh sân trường, khu vực vệ sinh của học sinh theo nhu cầu:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Số tiền/sản phẩm	Số tháng		Số tiền
1	Chi thuê mướn hợp đồng nhân công dọn vệ sinh sân trường	Người	1	2.000.000	9		18.000.000
2	Chi mua đồ dùng vệ sinh cho khu vực nhà vệ sinh: Giấy vệ sinh, vìm lau sàn...	Lớp	4	500.000	9		18.000.000

2. Dịch vụ ăn bán trú của học sinh

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá/ngày	Số tháng	Số ngày	Số tiền
	Chi phí bữa ăn trưa của học sinh						401.940.000
	Chi phí mua thực phẩm tươi sống	Học sinh	100	17.500	9.0	22	346.500.000
	Chi phí mua gạo nấu cơm	Học sinh	100	2.000	9.0	22	39.600.000
	Chi phí mua gia vị	Học sinh	100	800	9.0	22	15.840.000
	Chi phí bữa ăn ăn xế của học sinh						93.060.000
	Chi phí cháo, bún nuôi	Học sinh	100	4.290	9.0	22	84.942.000
	Chi phí mua nước uống cho học sinh	Học sinh	100	410	9.0	22	8.118.000
	Tổng cộng chi						495.000.000

3. Thuê người nấu ăn, chi phí tổ chức bán trú, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa

STT	Nội dung	Số người	Số tiền/tháng	Số tháng	Thành tiền
-----	----------	----------	---------------	----------	------------

a	Thuê người nấu ăn				94.500.000
	Người nấu ăn	1	5.250.000	9.0	47.250.000
	Người nấu ăn	1	5.250.000	9.0	47.250.000
b	Chi phí quản lý tổ chức quản lý bán trú tại trường	5			47.160.000
	Chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường (Hiệu trưởng)	1	1.440.000	9.0	12.960.000
	Chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường (Phó HT bán trú)	1	1.200.000	9.0	10.800.000
	Chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường (Kế toán)	1	1.200.000	9.0	10.800.000
	Chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường (Thủ quỹ)	1	1.200.000	9.0	10.800.000
	Chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường (Bảo vệ)	1	200.000	9.0	1.800.000
c	Quản lý học sinh ăn, ở bán trú (Bảo mẫu GV)	10	1.071.000	9.0	96.390.000
	Tổng cộng chi				238.050.000

4. Dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá/tháng	Số tháng	Số tiền
1	Chi phí mua nhiên liệu (Gas)	Học sinh	100	25.000	9.0	22.500.000
2	Nước máy	Học sinh	100	15.000	9.0	13.500.000
3	Chi phí mua hàng hóa, đồ dùng ... phục vụ cho công tác bán trú	Học sinh	100	10.000	9.0	9.000.000
	Tổng cộng chi					45.000.000

Đông Gia Nghĩa, ngày 19 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN CMHS

KẾ TOÁN

Đoàn Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Hải



Nguyễn Hoàng Quyên